

Bản án số: 404/2018/HS-PT
Ngày 24 tháng 7 năm 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng.

Ông Trần Văn Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 638/2017/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Cẩm M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Cẩm M, sinh năm: 1988 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Khóm 4, thị trấn UM, huyện UM, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Nguyễn Văn G và bà Bùi Thị Đ; Bị cáo có chồng là Dư Vũ L (đã ly hôn) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 15/3/2017 đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn Tr, thuộc Văn phòng luật sư NĐC, Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo: Ông Dư Vũ L, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn UM, huyện UM, tỉnh Cà Mau.

(Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 11/2013, Nguyễn Cẩm M làm chủ hội các dây hội ngày loại 50.000 đồng và 100.000 đồng (các dây hội này đã mất). Khoảng tháng 02/2015 (Âm lịch), M mở các dây hội ngày loại 100.000 đồng, 15 ngày khui một lần và loại 3.000.000 đồng, một tháng khui một lần. Mỗi dây hội M có lập sổ ghi chép việc thu tiền hội và giao tiền hội cho hội viên; đối với hội 15 ngày và hội một tháng, M có lập danh sách và giao cho từng hội viên tham gia chơi hội, tổ chức bỏ thăm khui hội tại nhà của M, hội viên nào bỏ thăm số tiền cao nhất thì được hốt hội. Riêng 03 dây hội ngày loại 100.000 đồng mở ngày 22/5, 22/6 và 19/7/2016 (Âm lịch), thực chất có nhiều hơn 80 chân hội nhưng M nói dối với các hội viên là mỗi dây hội chỉ có 80 chân hội, cụ thể dây hội ngày 22/5/2016 có 301 chân hội, dây hội ngày 22/6/2016 có 300 chân hội và dây hội ngày 19/7/2016 có 250 chân hội. Các dây hội này, M không lập danh sách hội giao cho các hội viên và không tổ chức bỏ thăm khui hội mà M tự quy định đóng hội theo hình thức sau: 20 ngày đầu mỗi chân hội đóng 90.000 đồng; 20 ngày tiếp theo mỗi chân đóng 92.000 đồng; 10 ngày tiếp theo mỗi chân đóng 94.000 đồng; 29 ngày tiếp theo mỗi chân đóng 95.000 đồng; 01 ngày cuối kỳ không phải đóng do chân hội cuối là của hội viên cuối.

Với hình thức này, hội viên hoàn toàn không biết những ai tham gia, ai đã hốt hội trong ngày, khi thu tiền hội thì M không nói ai hốt hội. Theo quy định trên các hội viên tin tưởng M mà đóng hội, khi cần hốt hội thì báo cho M biết. Do các dây hội ngày không tổ chức bỏ thăm khui hội và không có hội viên nào hỏi tên của người hốt hội, vì vậy M tự ý hốt hội của hội viên chiếm đoạt số tiền 2.636.740.000 đồng. Ngoài ra, M còn đưa ra thông tin gian dối, M nói với các hội viên là có hội viên trong dây hội cần tiền kêu bán hội với giá rẻ, nếu mua sẽ được hưởng lãi cao, các hội viên đưa tiền cho M để mua hội là 1.716.100.000 đồng. Đến ngày 28/7/2016 (Âm lịch), M tuyên bố bế hội, M chiếm đoạt tiền của các hội viên ở 03 dây hội ngày cụ thể như sau:

Dây hội thứ 1: Mở ngày 22/5/2016, loại 100.000 đồng, có 28 người tham gia với tổng số 301 chân hội, M nói với các hội viên là dây hội này chỉ có 80 chân, M không tham gia chân hội nào. Dây hội này khui được 66 kỳ; các hội viên hốt 12 kỳ = 74 chân, còn lại M tự ý hốt 54 kỳ, chiếm đoạt số tiền 1.507.296.000 đồng. Ngoài ra, M còn bán hội không cho 7 người bằng 140 chân hội, với số tiền 993.000.000 đồng, M đã trả lãi cho 3 người, số tiền 46.700.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền M chiếm đoạt là 2.453.596.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Mở ngày 22/6/2016, loại 100.000 đồng, có 29 người tham gia với tổng số 300 chân hội, M nói với các hội viên là dây hội này chỉ có 80 chân, M không tham gia chân hội nào. Dây hội này khui được 37 kỳ; các hội viên hốt 3 kỳ = 8 chân, còn lại M tự ý hốt 34 kỳ, chiếm đoạt số tiền 926.744.000 đồng. Ngoài ra, M còn bán hội không cho 2 người bằng 60 chân hội, với số tiền

422.200.000 đồng, M đã trả lãi cho 2 người, số tiền 14.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền M chiếm đoạt là 1.334.144.000 đồng.

Dây hội thứ 3: Mở ngày 19/7/2016, loại 100.000 đồng, có 31 người tham gia với tổng số 250 chân hội, M nói với các hội viên là dây hội này chỉ có 80 chân, M không tham gia chân hội nào. Dây hội này khai được 10 kỳ; các hội viên hốt 3 kỳ = 8 chân, còn lại M tự ý hốt 9 kỳ, chiếm đoạt số tiền 202.700.000 đồng. Ngoài ra, M còn bán hội không cho bà Nguyễn Thị Hảo 10 chân hội, chiếm đoạt 71.100.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền M chiếm đoạt là 273.800.000 đồng.

Ngoài 03 dây hội nêu trên, M còn bán không 45 chân hội cho 4 người khác với số tiền 305.000.000 đồng, trừ trả lãi 13.700.000 đồng, M đã chiếm đoạt 291.300.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền M chiếm đoạt là 4.352.840.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 04/10/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cẩm M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Cẩm M 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/3/2017.

Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 42 của Bộ Luật Hình sự; Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo M và ông Dư Vũ L có trách nhiệm liên đới trả cho các bị hại số tiền cụ thể như sau:

1. Bà Lê Thị Đ: 448.430.000 đồng;
2. Trần Thúy O: 294.660.000 đồng;
3. Trần Thị Ánh H: 127.380.000 đồng;
4. Lê Việt T: 33.000.000 đồng;
5. Vũ Thị Hương Gi: 58.765.000 đồng;
6. Trần Kim Ph: 126.450.000 đồng;
7. Nguyễn Mỹ L1: 13.000.000 đồng;
8. Nguyễn Chúc L2: 33.200.000 đồng;
9. Dư Hồng B: 50.550.000 đồng;
10. Hồ Thị U: 4.500.000 đồng;
11. Hồ Thị Ng: 12.200.000 đồng;
12. Trần Kim Th: 33.640.000 đồng;
13. Nguyễn Thị L3: 62.000.000 đồng;
14. Lâm Thị Bé N: 130.320.000 đồng;
15. Trần Lệ Kh: 151.780.000 đồng;

16. Lê Thúy M1:	35.000.000 đồng;
17. Võ Thị Đ2:	30.500.000 đồng;
18. Võ Ngọc M2:	205.280.000 đồng;
19. Tăng Phương N1:	33.640.000 đồng;
20. Nguyễn Thị N2:	4.500.000 đồng;
21. Võ Thành Th1:	32.660.000 đồng;
22. Phạm Văn T1:	10.092.000 đồng;
23. Lâm Ngọc M3:	85.280.000 đồng;
24. Trần Cẩm Nh:	36.400.000 đồng;
25. Quách Hồng Th2:	331.040.000 đồng;
26. Nguyễn Thị H1:	173.040.000 đồng;
27. Cao Tấn Ph1:	9.000.000 đồng;
28. Nguyễn Thị B1:	16.820.000 đồng;
29. Ngô Kiều D:	50.460.000 đồng;
30. Huỳnh Văn Ph2:	51.820.000 đồng;
31. Vũ Thị Ng1:	42.700.000 đồng;
32. Trương Thị D1:	179.940.000 đồng;
33. Nguyễn Thị L4:	1.800.000 đồng;
34. Đỗ Oanh K:	71.100.000 đồng.

Tổng cộng bằng 2.980.947.000 đồng. Đối trừ số tiền ông Nguyễn Văn Gi (cha bị cáo) đã nộp 50.000.000 đồng trong giai đoạn điều tra thay cho bị cáo, bị cáo và ông L còn phải trả tiếp 2.930.947.000 đồng.

Tiếp tục duy trì việc thu giữ đối với số tiền 50.000.000 đồng ông Gi đã nộp vào tài khoản Công an tỉnh Cà Mau để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 17/10/2017, bị cáo Nguyễn Cẩm M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31/10/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Dư Vũ L kháng cáo không chấp nhận liên đới bồi thường cho các bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng. Tuy nhiên, hình phạt là quá nặng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt với lý do: Bị cáo đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Ông Dư Vũ L trình bày: Không biết bị cáo chơi hụi. Bị cáo là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, còn ông L công tác trong ngành Công an, đơn vị công tác xa nhà, thu nhập chính là lương, ngoài ra không còn khoản thu nhập nào khác. Vì vậy, thỉnh thoảng 2 đến 3 tháng mới gửi ít tiền phụ giúp bị cáo nuôi con. Khi các chủ nợ đòi tiền bị cáo thì ông L và bị cáo đã ly hôn. Do không liên quan đến việc chơi hụi của bị cáo nên ông L không có trách nhiệm liên đới thanh toán cho các bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo M trình bày: Bản án xét xử bị cáo là đúng tội nhưng hình phạt quá nặng. Mặc dù bị cáo là chủ hụi nhưng việc vỡ hụi do các hụi viên không đóng hụi chết. Bị cáo đã dùng số tiền chiếm đoạt để trả cho các hụi viên mà không dùng vào mục đích khác. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, số tiền chiếm đoạt rất lớn. Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 10 năm tù là có căn cứ. Đối với kháng cáo của ông L, khi bị cáo làm chủ hụi thì quan hệ hôn nhân giữa ông L với bị cáo còn tồn tại. Ông L có biết bị cáo chơi hụi. Ông L công tác xa nhà nên bị cáo là người trực tiếp nuôi con và trả các chi phí sinh hoạt gia đình khác. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bị hại là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bị cáo Nguyễn Cẩm M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dư Vũ L kháng cáo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo M:

[1] Qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo M xác nhận là chủ hụi của 3 dây hụi, loại 100.000 đồng, gồm: Dây hụi mở ngày 22/5, 22/6 và 19/7/2016 (Âm lịch). Đồng thời thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền là 4.352.840.000 đồng của các hụi viên tham gia 3 dây hụi trên, gồm: 2.453.596.000 đồng đối với dây hụi mở ngày 22/5/2016; 1.334.144.000 đồng đối với dây hụi mở ngày 22/6/2016; 273.800.000 đồng đối với dây hụi mở ngày 19/7/2016 và 291.300.000 đồng là khoản tiền bán hụi không 45 chân hụi cho 4 hụi viên. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 4.352.840.000 đồng của các hụi viên tham gia 3 dây hụi trên. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 139 của Bộ luật Hình

sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ. Hành vi của bị cáo M là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của công dân, gây tác hại xấu đến đời sống xã hội tại địa phương.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo M, thấy rằng: Các tình tiết xin giảm nhẹ hình phạt do bị cáo nêu ra đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi lượng hình. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau tuyên bố bị cáo M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 và tuyên phạt 10 năm tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử phúc thẩm, Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015) có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng để xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với kháng cáo của ông Dư Vũ L:

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện, ông L và bị cáo M kết hôn năm 2006, có 01 con chung là cháu Dư Bảo Ng2, sinh năm 2007. Ông L và bị cáo M ly hôn năm 2017, theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn số 11/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/2/2017 của Tòa án nhân dân huyện UM, tỉnh Cà Mau. Trước khi ly hôn thì ông L, bị cáo M và cháu Ng2 sống tại khóm 4, thị trấn UM, huyện UM, tỉnh Cà Mau. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 4/11/2016 (bút lục 80), ông L trình bày: Hiện nay, vợ chồng sống tại khóm 4, thị trấn UM, huyện UM. Năm 2014, có biết tham gia chơi hụi. Ngoài ra, còn biết bà M làm chủ hụi cho những người gần nhà tham gia. Vợ chồng ông sẽ kiếm tiền, cho thuê nhà, bán gốc mai và xe máy lấy tiền trả nợ cho các hụi viên khác. Như vậy, 3 dây hụi do bị cáo M làm chủ diễn ra trong thời kỳ quan hệ hôn nhân giữa ông L và bị cáo còn tồn tại. Bị cáo M không có thu nhập nào khác, lại trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng2 và chi phí các nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn số 11/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/2/2017 của Tòa án nhân dân huyện UM cũng không xem xét nợ chung của ông L và bị cáo M. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền bị cáo M chiếm đoạt của các hụi viên là khoản nợ chung của vợ chồng, đồng thời buộc ông L liên đới chịu trách nhiệm là có căn cứ.

[4] Từ những nội dung nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M và kháng cáo của ông L; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo M và ông L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Cẩm M.

2/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Dư Vũ L.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cẩm M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Cẩm M 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/3/2017.

Tiếp tục giam giữ bị cáo Nguyễn Cẩm M để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo M và ông Dư Vũ L có trách nhiệm liên đới trả cho các bị hại số tiền 2.930.947.000 đồng, cụ thể như sau:

- | | |
|---------------------|-------------------|
| 1. Bà Lê Thị Đ: | 448.430.000 đồng; |
| 2. Trần Thúy O: | 294.660.000 đồng; |
| 3. Trần Thị Ánh H: | 127.380.000 đồng; |
| 4. Lê Việt T: | 33.000.000 đồng; |
| 5. Vũ Thị Hương Gi: | 58.765.000 đồng; |
| 6. Trần Kim Ph: | 126.450.000 đồng; |
| 7. Nguyễn Mỹ L1: | 13.000.000 đồng; |
| 8. Nguyễn Chúc L2: | 33.200.000 đồng; |
| 9. Dư Hồng B: | 50.550.000 đồng; |
| 10. Hồ Thị U: | 4.500.000 đồng; |
| 11. Hồ Thị Ng: | 12.200.000 đồng; |
| 12. Trần Kim Th: | 33.640.000 đồng; |
| 13. Nguyễn Thị L3: | 62.000.000 đồng; |
| 14. Lâm Thị Bé N: | 130.320.000 đồng; |
| 15. Trần Lệ Kh: | 151.780.000 đồng; |
| 16. Lê Thúy M1: | 35.000.000 đồng; |
| 17. Võ Thị Đ2: | 30.500.000 đồng; |
| 18. Võ Ngọc M2: | 205.280.000 đồng; |
| 19. Tăng Phương N1: | 33.640.000 đồng; |
| 20. Nguyễn Thị N2: | 4.500.000 đồng; |
| 21. Võ Thành Th1: | 32.660.000 đồng; |

22. Phạm Văn T1:	10.092.000 đồng;
23. Lâm Ngọc M3:	85.280.000 đồng;
24. Trần Cẩm Nh:	36.400.000 đồng;
25. Quách Hồng Th2:	331.040.000 đồng;
26. Nguyễn Thị H1:	173.040.000 đồng;
27. Cao Tấn Ph1:	9.000.000 đồng;
28. Nguyễn Thị B1:	16.820.000 đồng;
29. Ngô Kiều D:	50.460.000 đồng;
30. Huỳnh Văn Ph2:	51.820.000 đồng;
31. Vũ Thị Ng1:	42.700.000 đồng;
32. Trương Thị D1:	179.940.000 đồng;
33. Nguyễn Thị L4:	1.800.000 đồng;
34. Đỗ Oanh K:	71.100.000 đồng.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Cẩm M phải chịu 200.000 đồng. Ông Dư Vũ L phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ 300.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001217 ngày 31/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, ông L đã nộp đủ.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 7 năm 2018)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau (1);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau (1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (1);
- Công an tỉnh Cà Mau (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau (1);
- Bị cáo (Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau tổng đạt cho bị cáo) (1);
- UBND xã, phường nơi cư trú của bị cáo (thay cho việc thông báo bằng văn bản) (1);
- Người liên quan có kháng cáo (1);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án (1), NTBP, 15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đức Phương